TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2025
V/v: *Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và nợ chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Tự

2. Ông Nguyễn Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ *tham gia phiên tòa*: Bà Trương Bảo Trân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2024 về Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Hoàng G (G1), sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Huỳnh Hoàng G2, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (yêu cầu độc lập). Có mặt

3.2 Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (yêu cầu độc lập). Có mặt

3.3 Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1983; Địa chỉ: số A V, phường T, tỉnh Đắk Lắk (yêu cầu độc lập). Vắng mặt

3.4 Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (yêu cầu độc lập). Vắng mặt

3.5 Ông Huỳnh Hoàng K, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (yêu cầu độc lập). Có mặt

3.6 Ông Trần Văn D, sinh năm 1960; Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (yêu cầu độc lập). Vắng mặt

3.7 Ông Bùi Văn N; Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị T và ông Huỳnh Hoàng G (Gươm) là vợ chồng nhưng đã ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp giải quyết thông qua quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 250/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2022; Về tài sản chung tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nay do không thỏa thuận được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung gồm 01 căn nhà có diện tích ngang 5.0 mét dài 14 mét, xây dựng trên đất của cha mẹ chồng (đã chết) diện tích đất chưa được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc kê khai thông tin địa chính. Nay bà T yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà, bà nhận bằng tiền và giao căn nhà cho ông G quản lý, sử dụng theo kết quả định giá thị trường theo chứng thư định giá số 235/2024/366-BĐS, ngày 30//9/2024 của Công ty cổ phần Đ với số tiền giá trị căn nhà là 164.833.000 đồng, ông Huỳnh Hoàng G trả giá trị căn nhà số tiền 82.416.500 đồng.

Về yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Hoàng G2, ông Huỳnh Hoàng K, bà Huỳnh Thị C, ông Trần Văn D và Bùi Văn N bà T không đồng ý trả vì đây không phải là nghĩa vụ nợ chung trong thời kì hôn nhân giữa bà T với ông G.

Bị đơn ông Huỳnh Hoàng G trình bày: Ông thống nhất với nội dung trình bày của bà T là trước đây hai vợ chồng có xây dựng căn nhà đang tranh chấp vào năm 2018, nhưng số tiền xây dựng căn nhà mượn tiền của anh, chị em ruột gồm: Mượn anh Huỳnh Hoàng G2 số tiền 15.000.000 đồng; Mượn chị Huỳnh Thị T1 số tiền 25.000.000 đồng; Mượn chị Huỳnh Thị L số tiền 20.000.000 đồng; Mượn chị Huỳnh Thị C số tiền 10.000.000 đồng; Mượn anh Huỳnh Hoàng K số tiền 10.000.000 đồng; Mượn anh rể Trần Văn D số tiền 20.000.000 đồng và mượn cháu Bùi Văn N số tiền 2.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền mượn 102.000.000 đồng (tất cả không có làm biên nhận mượn tiền), tổng chi phí xây dựng căn nhà khoản 150.000.000 đồng, phần nợ chung ông G tự trả và yêu cầu khấu trừ giá trị căn nhà để thực hiện nợ chung phần còn lại ông sẽ trả cho bà T theo kết quả định giá thị trường theo chứng thư định giá số 235/2024/366-BĐS, ngày 30//9/2024 của Công ty cổ phần Đ với số tiền giá trị căn nhà là 164.833.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Huỳnh Hoàng G trình bày về các khoản nợ chung của từng người ông không xác định được số tiền nợ cụ thể bao nhiêu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (yêu cầu độc lập) bà Huỳnh Thị L trình bày: Vào năm 2018 bà có cho ông Huỳnh Hoàng G, vợ là Lâm Thị T Tím mượn số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Do là anh em ruột, nên việc mượn số tiền này hai bên không làm biên nhận, mục đích ông G, bà T mượn số nợ này để xây dựng căn nhà của vợ chồng tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang cũ nhưng đến nay chưa trả nợ. Vậy bà yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết buộc ông Huỳnh Hoàng G và bà Lâm Thị T phải có trách nhiệm trả số tiền đã mượn là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa bà xác định việc cho mượn tiền là đưa trực tiếp cho ông G nhận nhưng bà không có chứng cứ, chứng minh có việc cho mượn và mượn tiền của các bên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (yêu cầu độc lập) bà Huỳnh Thị C trình bày: Vào năm 2018 bà có cho ông Huỳnh Hoàng G, vợ là bà Lâm Thị T Tím mượn số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Do là anh em ruột, nên việc mượn số tiền này hai bên không làm biên nhận, mục đích ông G, bà T mượn số nợ này để xây dựng căn nhà của vợ chồng ông G tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang cũ nhưng đến nay chưa thực hiện trả nợ. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Hoàng G và bà Lâm Thị T phải có trách nhiệm trả số tiền đã mượn là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (yêu cầu độc lập) ông Trần Văn D trình bày: Vào năm 2018 ông có cho ông Huỳnh Hoàng G, vợ là bà Lâm Thị T Tím mượn số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Do là chị em nên việc mượn số tiền này hai bên không làm biên nhận, mục đích ông G, bà T mượn số nợ này để xây dựng căn nhà của vợ chồng ông G tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang cũ nhưng đến nay chưa thực hiện trả nợ. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Hoàng G và bà Lâm Thị T phải có trách nhiệm trả số tiền đã mượn là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (yêu cầu độc lập) bà Huỳnh Thị T1 trình bày: Vào năm 2018 bà có cho ông Huỳnh Hoàng G, vợ là bà Lâm Thị T Tím mượn số tiền là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Do là chị em ruột, nên việc mượn số tiền này hai bên không làm biên nhận, mục đích ông G, bà T mượn số nợ này để xây dựng căn nhà của vợ chồng ông G tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang cũ nhưng đến nay chưa thực hiện trả nợ. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Hoàng G và bà Lâm Thị T phải có trách nhiệm trả số tiền đã mượn là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa bà xác định việc cho mượn tiền là đưa trực tiếp cho ông G nhận nhưng bà không có chứng cứ, chứng minh có việc cho mượn và mượn tiền của các bên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (yêu cầu độc lập) Huỳnh Hoàng G2 trình bày: Vào năm 2018 bà có cho ông Huỳnh Hoàng G, vợ là bà Lâm Thị T mượn số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Do là anh em ruột, nên việc mượn số tiền này hai bên không làm biên nhận, mục đích ông G, bà T mượn số nợ này để xây dựng căn nhà của vợ chồng ông G tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang cũ nhưng đến nay chưa thực hiện trả nợ. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Hoàng G và bà Lâm Thị T phải có trách nhiệm trả số tiền đã mượn là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa bà xác định việc cho mượn tiền là đưa trực tiếp cho ông G nhận nhưng bà không có chứng cứ, chứng minh có việc cho mượn và mượn tiền của các bên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (yêu cầu độc lập) Huỳnh Hoàng K trình bày: Vào năm 2018 ông có cho ông Huỳnh Hoàng G, vợ là bà Lâm Thị T Tím mượn số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Do là anh em ruột, nên việc mượn số tiền này hai bên không làm biên nhận, mục đích ông G, bà T mượn số nợ này để xây dựng căn nhà của vợ chồng ông G tại ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang cũ nhưng đến nay chưa thực hiện trả nợ. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Hoàng G và bà Lâm Thị T phải có trách nhiệm trả số tiền đã mượn là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bùi Văn N không có văn bản trình bày trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành tố tụng của đương sự đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị T về chia đôi tài sản chung là giá trị căn nhà số tiền 164.833.000 đồng, ghi nhận yêu cầu của ông Huỳnh Hoàng G chia đôi giá trị căn nhà; không chấp nhận yêu cầu của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bà T và ông G thực hiện nghĩa vụ nợ chung.

Về án phí và chi phí tố tụng đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên. Hội đồng xét xử nhận đinh:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và thực hiện nghĩa vụ nợ chung". Bị đơn cư trú xã T, thành phố Cần Thơ,

do đó Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Lâm Thị T về việc yêu cầu chia tài sản chung là 01 căn nhà có diện tích 205,5m^2 thuộc thửa 168, tờ bản đồ số 04 theo mảnh trích đo địa chính số 120 của Công ty cổ phần Đ1 bản đồ và thiết kế xây dựng Đ1 lập ngày 30/9/2024 được xây dựng trên đất của cha mẹ chồng để lại (chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), Hội đồng xét xử xét thấy: Căn nhà được hình thành trong thời kỳ hôn nhân năm 2018, do vợ chồng bà T và ông Huỳnh Hoàng G cùng nhau xây dựng, do đó xác định là tài sản chung của vợ chồng. Hiện nay ông G là người đang trực tiếp quản lý và sử dụng căn nhà. Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất với kết quả định giá căn nhà số tiền là 164.833.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà của bà Lâm Thị T là có căn cứ chấp nhận, giá trị tài sản ông Huỳnh Hoàng G có nghĩa vụ trả cho bà Lâm Thị T số tiền 82.416.500 đồng, ông G được quyền quản lý, sử dụng định đoạt căn nhà diện tích 205,5m^2 thuộc thửa 168, tờ bản đồ số 04 theo mảnh trích đo địa chính số 120 của Công ty cổ phần Đ1 bản đồ và thiết kế xây dựng Đ1 lập ngày 30/9/2024, tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

[3] Do bà T không có yêu cầu chia quyền sử dụng đất và phần đất không có tranh chấp, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét yêu cầu của bị đơn ông Huỳnh Hoàng G cho rằng căn nhà trên được xây dựng bằng số tiền ông mượn từ anh, chị em ruột và đề nghị bà T cùng có trách nhiệm trả số nợ này, Hội đồng xét xử nhận thấy: Toàn bộ các khoản tiền nêu trên đều không có chứng cứ chứng minh, không có biên nhận, không xác định rõ thời điểm vay, cũng không chứng minh được bà T cùng vay hoặc biết về các khoản vay đó. Do đó, không đủ cơ sở để xác định đây là nợ chung của vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu phản tố của ông G là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với nghĩa vụ nợ mà ông Huỳnh Hoàng G cho rằng nợ ông Bùi Văn N nhưng ông N không có yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét yêu cầu độc lập của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị C, ông Trần Văn D, bà Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Hoàng G2 và ông Huỳnh Hoàng K, đều cho rằng có cho vợ chồng ông G, bà T mượn tiền để xây dựng nhà. Tuy nhiên các khoản vay đều không có giấy tờ chứng minh, không xác định được rõ ràng ai là người vay, thời điểm vay, cũng như thời hạn và phương thức thanh toán. Đồng thời, bà T không thừa nhận các khoản vay trên. Vì vậy, các yêu cầu này không có cơ sở để chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không được chấp nhận phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 91, 92, 93, 147, 157, 165, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Các Điều 116, 117, 119 của Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội khoá 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị T về việc chia tài sản chung là căn nhà diện tích 205,5m^2 thuộc thửa 168, tờ bản đồ số 04 theo mảnh trích đo địa chính số 120 của Công ty cổ phần Đ1 bản đồ và thiết kế xây dựng Đ1 lập ngày 30/9/2024.

2. Giao toàn bộ căn nhà diện tích 205,5m^2 thuộc thửa 168, tờ bản đồ số 04 theo mảnh trích đo địa chính số 120 của Công ty cổ phần Đ1 lập ngày 30/9/2024 cho ông Huỳnh Hoàng G tiếp tục quản lý, sử dụng. *Đính kèm mảnh trích đo địa chính.*

3. Buộc ông Huỳnh Hoàng G có trách nhiệm thanh toán cho bà Lâm Thị T số tiền là: 82.416.500 đồng (T2 mươi hai triệu, bốn trăm mười sáu nghìn, năm trăm đồng), tương đương với 1/2 giá trị căn nhà.

4. Không chấp nhận các yêu cầu độc lập của: Bà Huỳnh Thị L số tiền 20.000.000 đồng, bà Huỳnh Thị C số tiền 10.000.000 đồng, ông Trần Văn D số tiền 20.000.000 đồng, bà Huỳnh Thị T1 số tiền 25.000.000 đồng, ông Huỳnh Hoàng G2 số tiền 15.000.000 đồng, ông Huỳnh Hoàng K số tiền 10.000.000 đồng về việc yêu cầu nguyên đơn bà Lâm Thị T và bị đơn ông Huỳnh Hoàng G thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Huỳnh Hoàng G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản: 82.416.500 đồng × 5% = 4.120.825 đồng (làm tròn: 4.121.000 đồng).

Buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Hoàng G2 chịu án phí số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 375.000 đồng (ba trăm, bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006993 ngày 23/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân

sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13, thành phố Cần Thơ thành án phí, số tiền phải nộp thêm là 375.000 đồng; Bà Huỳnh Thị T1 chịu án phí số tiền 1.250.000 đồng (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 625.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006992 ngày 23/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13, thành phố Cần Thơ thành án phí, số tiền phải nộp thêm là 625.000 đồng; Bà Huỳnh Thị L chịu án phí số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006995 ngày 23/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13, thành phố Cần Thơ thành án phí, số tiền phải nộp thêm là 500.000 đồng; Bà Huỳnh Thị C chịu án phí số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006996 ngày 23/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13, thành phố Cần Thơ thành án phí, số tiền phải nộp thêm là 200.000 đồng; Ông Huỳnh Hoàng K chịu án phí số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006994 ngày 23/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13, thành phố Cần Thơ thành án phí, số tiền còn phải nộp thêm là 200.000 đồng; Ông Trần Văn D chịu án phí số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006997 ngày 23/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13, thành phố Cần Thơ thành án phí, số tiền còn phải nộp thêm là 500.000 đồng.

Nguyên đơn bà Lâm Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án đã nộp 3.750.000 đồng (ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006612 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13, thành phố Cần Thơ.

6. Về chi phí tố tụng: Số tiền 5.950.000 đồng, buộc ông Huỳnh Hoàng G chịu số tiền 5.950.000 đồng (năm triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng), bà Lâm Thị T đã thực hiện tạm ứng chi phí xong tại Tòa án nên ông G có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà T số tiền 5.950.000 đồng (năm triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

7. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 13-Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hiếu